



**ĐỀ THI THỬ
LẦN THỨ 2**

TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM HỌC 2013 * MÔN ĐỊA LÍ**

Ngày thi: 23 + 24/3/2013

Thời gian làm bài: 180 phút, không kể thời gian phát đề

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (8,0 điểm)

Câu I. (2,0 điểm)

1. Vùng biển của nước ta bao gồm những bộ phận nào ? Giới hạn nào trên biển được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền ? Nêu ảnh hưởng của Biển Đông tới khí hậu nước ta.
2. Trình bày những chuyển biến trong cơ cấu sử dụng lao động ở nước ta thời gian qua, nêu các mặt còn tồn tại.

Câu II. (3,0 điểm)

1. Chứng minh cơ cấu công nghiệp theo ngành và theo thành phần kinh tế ở nước ta đang chuyển dịch.
2. Tại sao việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu được coi là vấn đề tiêu biểu trong phát triển kinh tế của vùng Đông Nam Bộ. Nêu các giải pháp nhằm khai thác theo chiều sâu đối với sản xuất Nông – Lâm nghiệp của vùng.

Câu III. (3,0 điểm)

1. Dựa vào bảng số liệu dưới đây, hãy vẽ biểu đồ thích hợp nhất so sánh tốc độ tăng của diện tích, năng suất và sản lượng lúa ở nước ta giai đoạn 1995 – 2010.

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA

Năm	1995	2000	2005	2007	2010
Tổng diện tích lúa (nghìn ha)	6 765,6	7 666,3	7 329,2	7 207,4	7 513,7
Tổng sản lượng lúa (nghìn tấn)	24 963,7	32 529,5	35 832,9	35 942,7	39 899,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2010, Nhà xuất bản thống kê, 2011)

2. Rút ra nhận xét từ biểu đồ đã vẽ và nêu nguyên nhân để tăng được sản lượng lúa thời gian trên.

II. PHẦN RIÊNG (2,0 điểm)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (IV.a hoặc IV.b)

Câu IV.a. Theo chương trình Chuẩn (2,0 điểm)

Phân tích khả năng về mặt tự nhiên để phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên. Nêu các giải pháp để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội trong sản xuất cây công nghiệp của vùng.

Câu IV.b. Theo chương trình Nâng cao (2,0 điểm)

Trình bày đặc điểm của vùng kinh tế trọng điểm. Tại sao so với các vùng kinh tế trọng điểm khác, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có tỉ trọng cao nhất trong GDP của cả nước?

----- **Hết** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên Thí sinh:SBD:

Giám thị coi thi:

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM * ĐỀ THI THỬ LẦN 2**

Câu	Ý	Nội dung chính cần đạt	Điểm
I. PHÂN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (8,0 điểm)			
Câu I	1	*Vùng biển của nước ta bao gồm: Vùng nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và vùng thềm lục địa.	0.25
		*Giới hạn trên biển được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền là vùng nội thủy (vùng nước nằm phía trong đường cơ sở - đường cơ sở là đường nối các đảo gần bờ)	0.25
		*Ảnh hưởng của Biển Đông tới khí hậu nước ta:	0.25
		- Tăng cường tính ẩm cho các khối khí di chuyển qua biển trước khi tác động vào lãnh thổ đất liền nước ta → đem đến cho khí hậu nước ta lượng mưa lớn, độ ẩm cao	0.25
	2	- Góp phần điều hòa khí hậu (giảm bớt tính lạnh, khô vào mùa đông và tính nóng bức của mùa hè – khí hậu mang tính hải dương)	0.25
		*Những chuyển biến trong cơ cấu sử dụng lao động ở nước ta:	0.25
		- Lao động nước ta tập trung cao trong khu vực nông – lâm – ngư ; khu vực nông thôn và trong thành phần kinh tế ngoài nhà nước.	0.25
Câu II	1	- Xu thế chuyển dịch:	0.25
		+ Giảm dần tỉ trọng lao động trong khu vực nông – lâm – ngư và ở khu vực nông thôn.	0.25
		+ Tăng tỉ trọng lao động ở khu vực công nghiệp – xây dựng; dịch vụ; khu vực thành thị và lao động trong thành phần kinh tế vốn đầu tư nước ngoài.	0.25
		*Các mặt còn tồn tại: chuyển biến cơ cấu sử dụng lao động còn chậm, năng suất lao động xã hội còn thấp, quỹ thời gian lao động trong nông nghiệp – nông thôn và trong các xí nghiệp quốc doanh chưa sử dụng triệt để.	0.25
		<i>Chứng minh cơ cấu công nghiệp theo ngành và theo thành phần kinh tế ở nước ta đang chuyển dịch</i>	
	1	*Chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo ngành:	
		- Nhóm ngành công nghiệp chế biến chiếm tỉ trọng cao và tiếp tục tăng tỉ trọng...	0.25
		- Nhóm công nghiệp khai thác xu hướng giảm tỉ trọng...	0.25
		- Trong cơ cấu ngành hình thành các ngành công nghiệp trọng điểm...	0.25
	2	*Chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo thành phần kinh tế:	
		- Xu hướng tiếp tục giảm tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp trong khu vực Nhà nước	0.25
		- Tăng tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp trong khu vực ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.	0.25
		<i>*Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu được coi là vấn đề tiêu biểu trong sự phát triển kinh tế của vùng Đông Nam Bộ vì:</i>	
	2	- Đông Nam Bộ là vùng hội tụ được những lợi thế lớn về TN – KT – XH để phát triển kinh tế:	
		+ Vị trí thuận lợi ... Tài nguyên nổi bật (Khoáng sản, đất, sinh vật ...)	0.25
		+ Cơ sở vật chất kĩ thuật hoàn thiện bậc nhất cả nước ... Nguồn lao động có chất lượng cao ... Có những chính sách phát triển phù hợp, thu hút được các nguồn đầu tư trong và ngoài nước... Có một nền kinh tế hàng hoá sớm phát triển.	0.25
		- Đông Nam Bộ là vùng có cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ phát triển vào loại bậc nhất so với các vùng trong cả nước (Chiếm 42% GDP, 55,6% GTSX CN... cả nước)	0.25
		➔ Chỉ có khai thác lãnh thổ theo chiều sâu mới giúp cho vùng khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở trình độ cao	0.25

		<i>*Các giải pháp nhằm khai thác theo chiều sâu đối với sản xuất Nông – Lâm nghiệp của vùng.</i> - Thuỷ lợi có ý nghĩa hàng đầu: Công trình Dầu Tiếng, Phước Hoà bảo đảm tưới tiêu, tăng diện tích đất trồng, tăng hệ số sử dụng đất. - Thay đổi cơ cấu giống cây CN: Đưa các giống năng suất cao, ứng dụng công nghệ mới vào phát triển cây cao su. Tiếp tục đầu tư cho cây cà phê, hồ tiêu, điều, mía, đậu tương. - Bảo vệ vốn rừng hiện có: Bảo vệ rừng thượng lưu và rừng ngập mặn. Bảo vệ nghiêm ngặt các vườn quốc gia.	0.25																																				
			0.25																																				
			0.25																																				
Câu III	1	❖ Vẽ biểu đồ: Lập bảng xử lí số liệu mới: Năng suất lúa cả năm của nước ta (đơn vị: tạ/ha) <table><tr><th>Năm</th><th>1995</th><th>2000</th><th>2005</th><th>2007</th><th>2010</th></tr><tr><td>Năng suất lúa</td><td>36.9</td><td>42.4</td><td>48.9</td><td>49.8</td><td>53.1</td></tr></table> So sánh tốc độ tăng của diện tích, năng suất, sản lượng lúa qua các năm (mốc so sánh 1995 – đơn vị %) <table><tr><th>Năm</th><th>1995</th><th>2000</th><th>2005</th><th>2007</th><th>2010</th></tr><tr><td>Diện tích</td><td>100</td><td>113.3</td><td>108.3</td><td>106.5</td><td>111.0</td></tr><tr><td>Năng suất</td><td>100</td><td>115.0</td><td>132.5</td><td>135.0</td><td>144.0</td></tr><tr><td>Sản lượng</td><td>100</td><td>130.4</td><td>143.7</td><td>144.0</td><td>160.0</td></tr></table> SO SÁNH TỐC ĐỘ TĂNG CỦA DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT VÀ SẢN LƯỢNG LÚA ● Diện tích ■ Năng suất ▲ Sản lượng	Năm	1995	2000	2005	2007	2010	Năng suất lúa	36.9	42.4	48.9	49.8	53.1	Năm	1995	2000	2005	2007	2010	Diện tích	100	113.3	108.3	106.5	111.0	Năng suất	100	115.0	132.5	135.0	144.0	Sản lượng	100	130.4	143.7	144.0	160.0	0.25
		Năm	1995	2000	2005	2007	2010																																
		Năng suất lúa	36.9	42.4	48.9	49.8	53.1																																
		Năm	1995	2000	2005	2007	2010																																
Diện tích	100	113.3	108.3	106.5	111.0																																		
Năng suất	100	115.0	132.5	135.0	144.0																																		
Sản lượng	100	130.4	143.7	144.0	160.0																																		
	0.50																																						
	1.00																																						
2		❖ Nhận xét từ biểu đồ đã vẽ - So với năm 1995 các tiêu chí sản xuất lúa của nước ta đều tăng song với các mức độ tăng khác nhau... - Tăng, giảm thất thường là của diện tích lúa...diễn giải... - Tăng liên tục của năng suất và sản lượng song sản lượng có mức tăng nhanh hơn... diễn giải...	0.25																																				
			0.25																																				
			0.25																																				
		❖ Nguyên nhân để tăng được sản lượng lúa: - Thời kì từ 1995 – 2000 tăng sản lượng lúa là do kết quả tăng của cả việc mở rộng diện tích và tăng năng suất.	0.25																																				

		- Từ năm 2000 – 2010 tăng sản lượng chủ yếu từ việc áp dụng các tiến bộ khoa học – kĩ thuật (khâu chọn giống, chăm sóc...) nhằm không ngừng tăng năng suất lúa còn diện tích lúa đã một phần bị thu hẹp do chuyển đổi cơ cấu cây trồng và các mục đích sử dụng khác...	0.25
II. PHẦN RIÊNG (2,0 điểm)			
Câu IV		Câu IV.a. Theo chương trình Chuẩn (2,0 điểm)	
		<i>Phân tích khả năng về mặt tự nhiên để phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên.</i>	
		- Sơ đồ h×nh + Sơ đồ:	
		+ Chỗ yếu lự ②ết badan chi ②m 2/3 diện tích ②ết ②á badan của c ② n-íc. Sơ đồ cả t ②ng phong hĩa s ②u, t-í x ②p, gi ②u ch ②t dinh d-ìng,	0.25
		+ Ph ②n bè t ②p trung tr ②n nh÷ng cao nguy ②n cả m ②t b ②ng r ②ng lín thu ②n lĩi cho vi ②c th ②nh l ②p c, c n ②ng tr- ②ng v ② v ②ng chuy ②n canh quy m ② lín.	0.25
		- Kh ② h ②u:	
		+ Khi h ②u c ②n x ②ch ②o v ②i mét mĩa m-a (cung c ②p n-íc t-íi cho c ②y tr ②ng) v ② mét mĩa kh ② k ②o d ②i s ②u s ②c t ②o ②i ②u ki ②n thu ②n lĩi ②ó ph-í s ②y, b ②o qu ②n s ②n ph ②m.	0.25
		+ Kh ② h ②u cả s ② ph ②n hĩa theo ②é cao. C, c cao nguy ②n cao 400-500m → S ② ②a d ②ng c-í c ②u c ②y c ②ng nghi ②p trong v ②ng...	0.25
		- Ngu ②n n-íc m ②t tuy ②t, song n-íc ng ②m cả th ② khai th ②c cho s ②n xu ②t v ② sinh ho ②t.	0.25
		<i>Các giải pháp để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội trong sản xuất cây công nghiệp của vùng.</i>	
		- Hoàn thiện, quy hoạch các vùng trồng cây công nghiệp...	0.25
		- Đa dạng hóa cây công nghiệp...	0.25
		- Đẩy mạnh khâu chế biến và xuất khẩu...	0.25
Câu IV		Câu IV.b. Theo chương trình Nâng cao (2,0 điểm)	
		*Đặc điểm của vùng kinh tế trọng điểm:	
		- Gồm phạm vi nhiều tỉnh, luôn có sự thay đổi ranh giới theo từng thời điểm...hội tụ được các thế mạnh...	0.25
		- Có tỉ trọng lớn trong tổng GDP cả nước, tốc độ tăng trưởng nhanh, khả năng thu hút vốn đầu tư lớn...	0.25
		*Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có tỉ trọng GDP cao nhất là do:	
		- Có vị trí thuận lợi...	0.25
		- Tài nguyên thiên nhiên nổi bật...(dầu khí...)	0.25
		- Dân cư, lao động mạnh cả về chất lượng và số lượng...	0.25
		- Có cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng hoàn thiện...	0.25
		- Tập trung được tiềm lực kinh tế mạnh nhất, trình độ phát triển kinh tế cao nhất cả nước...	0.25
		- Khả năng thu hút được nhiều vốn đầu tư trong và ngoài nước, có chính sách phát triển kinh tế phù hợp, năng động...	0.25

